UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31 /2008/QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Qui định một số điều cụ thể về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26-11-2003;

Căn cứ Nghị định số: 209/2004/NĐ-CP ngày16-12-2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng hiện hành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số: 51/TTr-SXD ngày 06 tháng 5 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định một số điều cụ thể về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Chủ đầu tư các dự án và các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- Chính phủ; } Để
- Bộ Xây dựng, Bộ KH&ĐT; } báo
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; } cáo
- Thường vụ Tỉnh uỷ; }
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh; }
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các chuyên viên VP;
- Lưu: VP.

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phan Nhật Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2008

QUY ĐỊNH

Một số điều cụ thể về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 31 /2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này qui định cụ thể một số điều thực hiện Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc mọi nguồn vốn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, bảo hành, bảo trì, quản lý, sử dụng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong quy định này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Chất lượng công trình xây dựng là những yêu cầu về an toàn, bền vững, kỹ thuật, mỹ thuật của công trình phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và hợp đồng giao nhận thầu xây dựng.

2. Thi công xây dựng công trình bao gồm xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng mới, cải tạo, trùng tu, bảo trì các công trình xây dựng.

3. Hoạt động xây dựng là hoạt động thực hiện các công việc: Tư vấn đầu tư xây dựng, thi công xây dựng công trình (Tư vấn quản lý dự án, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, thi công xây dựng, ...).

4. Chủ nhiệm lập dự án là người trực tiếp tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng chịu trách nhiệm cao nhất về nội dung, chất lượng của dự án.

5.Chủ nhiệm khảo sát xây dựng là người trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khảo sát xây dựng, chịu trách nhiệm cao nhất về kết quả thực hiện nhiệm vụ khảo sát.

6. Chủ nhiệm thiết kế xây dựng là người trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ thiết kế công trình, chịu trách nhiệm cao nhất về nội dung, chất lượng của đồ án thiết kế.

7. Chủ trì thiết kế xây dựng là người trực tiếp tổ chức và thực hiện một lĩnh vực chuyên môn (kiến trúc, kết cấu, điện, nước ...) của đồ án thiết kế theo sự chỉ đạo của chủ nhiệm đồ án thiết kế, chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng của lĩnh vực chuyên môn đó.

8 Chỉ huy trưởng công trường là người đại diện cho nhà thầu xây dựng thực hiện quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tại công trường, trực tiếp chỉ huy và chịu trách nhiệm về thi công xây dựng công trình.

9. Bảo trì công trình là công tác thực hiện duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình trong quá trình vận hành khai thác sử dụng từ khi đưa công trình sử dụng đến hết niên hạn sử dụng theo qui định của nhà thiết kế.

10. Bảo hành công trình là công tác kiểm tra phát hiện hư hỏng để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp thiết bị công trình sửa chữa, thay thế trong quá trình vận hành khai thác sử dụng từ khi đưa công trình sử dụng đến hết thời gian bảo hành theo qui định.

11. UBND huyện, thành phố gọi chung là cấp huyện; UBND xã, phường, thị trấn gọi chung là cấp xã.

Điều 4. Áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý chất lượng công trình xây dựng phải áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng. Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn ngành của Nhà nước hiện hành.

2. Việc áp dụng tiêu chuẩn và quy trình quy phạm kỹ thuật thiết kế xây dựng của nước ngoài phải thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

3. Khi thoả thuận và ký kết hợp đồng kinh tế, các chủ thể phải thể hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn và chỉ dẫn kỹ thuật được thống nhất áp dụng để làm căn cứ tổ chức thực hiện, kiểm tra các công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình.

Chương 2
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 5. Thẩm quyền quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

1. Sở Xây dựng giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng có trách nhiệm:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

- Thông báo, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Chủ trì hoặc phối hợp với Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để kiểm tra chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

- Kiểm tra các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổng hợp tình hình chất lượng, hoạt động chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng: Dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp Vật liệu xây dựng.

2. Các Sở có quản lý xây dựng chuyên ngành quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên nghành trên địa bàn tỉnh bao gồm:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuỷ lợi, đê điều và các công trình khác trong chuyên ngành được phân cấp.

b) Sở Giao thông Vận tải quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành giao thông.

c) Sở Công Thương quản lý nhà nước về chất lượng các công trình công nghiệp bao gồm công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, chế tạo máy, luyện kim và các công trình công nghiệp khác trong chuyên ngành được phân cấp.

d) Sở Thông tin truyền thông quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông.

3. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh phối hợp với các sở xây dựng chuyên ngành quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghiệp.

4. Uỷ ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt được UBND tỉnh phân cấp trên địa bàn.

5. Uỷ ban nhân dân cấp xã: quản lý nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt được phân cấp trên địa bàn.

Điều 6. Hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về chất lượng công trình xây dựng có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng thuộc phạm vi của mình quản lý.

Điều 7. Công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

1. Cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng có trách nhiệm kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn. Việc kiểm tra định kỳ phải có kế hoạch và thông báo trước cho các tổ chức, cá nhân được kiểm tra . Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện khi có dấu hiệu để xảy ra sự cố công trình hoặc có vi phạm nghiêm trọng các quy định hiện hành về xây dựng.

2. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng, sự phù hợp về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư, các nhà thầu tư vấn và thi công xây dựng công trình.

3. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản theo mẫu qui định. Kết thúc các đợt kiểm tra định kỳ, cơ quan kiểm tra phải tổng hợp, đánh giá và đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trình Uỷ ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Xây dựng để tập hợp, báo cáo Bộ Xây dựng.

Điều 8. Công tác kiểm tra hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành, hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng.

1. Thẩm quyền trong công tác kiểm tra hồ sơ nghiệm thu:

Sở Xây dựng, các Sở có quản lý xây dựng chuyên ngành, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kiểm tra hồ sơ nghiệm thu đối với các công trình xây dựng theo phân cấp của Uỷ ban nhân dân tỉnh trên địa bàn.

2. Nội dung kiểm tra hồ sơ nghiệm thu:

a) Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu do Chủ đầu tư lập bao gồm: kiểm tra Hồ sơ pháp lý, tài liệu quản lý chất lượng. Danh mục hồ sơ theo mẫu hướng dẫn quy định hiện hành.

b) Kiểm tra nội dung biên bản nghiệm thu theo mẫu quy định; Biên bản nghiệm thu phải thể hiện rõ nội dung, tiêu chí và phản ánh được kết quả thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật.

3. Kết quả kiểm tra hồ sơ nghiệm thu phải được lập thành biên bản theo mẫu quy định hiện hành

4. Kiểm tra sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng đối với công trình phải đánh giá sự phù hợp chất lượng trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 9. Nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng cấp tỉnh.

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh đối với một số dự án quan trọng hoặc có yêu cầu kỹ thuật, công nghệ phức tạp.

2. Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh hoạt động theo quy chế hoạt động của Hội đồng; Nội dung công tác nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Báo cáo định kỳ về chất lượng công trình xây dựng.

1. Chủ đầu tư:

Thực hiện đăng ký khởi công, tổng hợp báo cáo định kỳ về chất lượng công trình xây dựng gửi cơ quan Nhà nước có quản lý xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 21 của quy định này.

2. Uỷ ban nhân dân cấp xã.

a) Tiếp nhận, theo dõi đăng ký khởi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; kiểm tra việc lắp đặt biển báo công trường theo quy định tại Điều 15 của quy định này.

b) Lập danh mục công trình xây dựng xảy ra sự cố trên địa bàn báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

c) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý (bao gồm cả tình hình xây dựng và chất lượng xây dựng nhà ở của nhân dân) gửi đến Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

3. Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

a) Tiếp nhận và quản lý báo cáo chất lượng công trình xây dựng, giấy chứng nhận sự phù hợp chất lượng (nếu có) do Chủ đầu tư gửi.

b) Tổng hợp tình hình chất lượng, hoạt động chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng (nếu có) trên địa bàn; định kỳ báo cáo chất lượng các công trình xây dựng do địa phương được phân cấp quản lý, cấp phép xây dựng gửi sở Xây dựng và các Sở có quản lý xây dựng chuyên ngành.

4. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Tiếp nhận và quản lý báo cáo chất lượng công trình xây dựng, giấy chứng nhận chất lượng do Chủ đầu tư gửi.

b) Tổng hợp tình hình chất lượng, hoạt động chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng (nếu có) trong khu công nghiệp; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, đồng thời gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng.

5. Các Sở có quản lý xây dựng chuyên ngành

a) Tiếp nhận và quản lý báo cáo chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành, giấy chứng nhận chất lượng (nếu có) do Chủ đầu tư và Uỷ ban nhân dân cấp huyện gửi.

b) Tổng hợp tình hình chất lượng, hoạt động chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành, đồng thời gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng.

6. Thời gian và nội dung báo cáo định kỳ

a) Thời gian báo cáo định kỳ: một năm hai kỳ

+ Kỳ 1: trước ngày 10 tháng 6.

+ Kỳ 2: trước ngày 10 tháng 12.

b) Nội dung báo cáo theo mẫu quy định hiện hành.

Chương 3
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Điều 11. Lựa chọn hình thức quản lý dự án.

1. Căn cứ điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân, chủ đầu tư trình người quyết định đầu tư xây dựng công trình quyết định lựa chọn một trong các hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sau đây:

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Chủ đầu tư xây dựng công trình trực tiếp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án để giúp chủ đầu tư làm đầu mối quản lý dự án. Ban quản lý dự án phải có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo yêu cầu của chủ đầu tư. Ban quản lý dự án có thể thuê tư vấn quản lý, giám sát một số phần việc mà Ban quản lý dự án không có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện nhưng phải được sự đồng ý của chủ đầu tư.

Đối với dự án có quy mô nhỏ, đơn giản, có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng thì chủ đầu tư có thể không lập Ban quản lý dự án mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành dự án hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý thực hiện dự án.

3. Trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì tổ chức tư vấn đó phải có đủ điều kiện năng lực tổ chức quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Trách nhiệm, quyền hạn của tư vấn quản lý dự án được thực hiện theo hợp đồng thoả thuận giữa hai bên. Tư vấn quản lý dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia quản lý nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận và phù hợp với hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy của mình hoặc cử người tham gia ban quản lý dự án để kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án.

Điều 12. Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực tham gia hoạt động xây dựng.

1. Chủ đầu tư lựa chọn các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định;

2. Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra sự phù hợp của văn bằng, chứng chỉ đối với các cá nhân đảm nhận những chức danh: Chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế xây dựng, chủ nhiệm khảo sát xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình, chỉ huy trưởng công trường xây dựng;

3. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thiệt hại do việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng không đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc.

Điều 13. Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng.

1. Chủ đầu tư phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng và nhiệm vụ khảo sát xây dựng bổ sung được lập theo quy định. Trước khi phê duyệt, khi cần thiết chủ đầu tư có thể thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực về khảo sát xây dựng thẩm tra nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng.

2. Chủ đầu tư cử người có chuyên môn phù hợp để giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định. Trường hợp không có người có chuyên môn phù hợp thì thuê người có chuyên môn phù hợp thực hiện việc giám sát.

3. Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định và mời các chuyên gia, tổ chức chuyên môn tham gia khi cần thiết.

Điều 14. Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình.

Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quản lý chất lượng thiết kế xây dựng theo quy định và có trách nhiệm:

1. Lập hoặc thuê tư vấn lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình.

2. Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế. Trước khi phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, chủ đầu tư có thể mời chuyên gia góp ý nhiệm vụ thiết kế. Chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư sau khi phê duyệt nhiệm vụ thiết kế.

Đối với các công trình phải thi tuyển thiết kế kiến trúc, Chủ đầu tư phải tổ chức thi tuyển kiến trúc theo quy định.

3. Chủ đầu tư phải thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán. Quyết định phê duyệt theo mẫu qui định hiện hành

Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế và dự toán thì thuê các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra, đóng dấu xác nhận làm cơ sở cho việc thẩm định phê duyệt.

4. Chủ đầu tư phải xác định tính pháp lý của sản phẩm thiết kế đã phê duyệt trước khi đưa ra thi công thông qua việc xác nhận bằng chữ ký và dấu của chủ đầu tư theo mẫu qui định hiện hành.

Điều 15. Treo biển báo công trường xây dựng.

1. Chủ đầu tư phải có trách nhiệm treo biển báo tại công trường thi công gồm có các nội dung:

- Tên Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổng vốn đầu tư, ngày khởi công, ngày hoàn thành;
- Tên đơn vị thi công, tên người chỉ huy trưởng công trường;
- Tên đơn vị thiết kế, tên chủ nhiệm thiết kế;
- Tên tổ chức, tên người giám thi công xây dựng công trình;
- Điện thoại và địa chỉ liên lạc.

2. Biển báo phải được đặt tại mặt bằng công trường xây dựng và có vị trí dễ đọc, không được che khuất tầm nhìn; chữ viết rõ ràng, tuân thủ các nội dung nêu trên.

Điều 16. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình.

Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định và có trách nhiệm:

1. Mua bảo hiểm công trình theo quy định.

2. Lập sổ nhật ký giám sát thi công xây dựng theo mẫu qui định hiện hành để tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình.

3. Kiểm tra nhà thầu thi công xây dựng trong việc thực hiện các quy định về tiến độ, đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động đối với người và công trình lân cận; cùng nhà thầu thi công xây dựng giải quyết các sự cố của công trình xung quanh do việc xây dựng công trình gây nên.

4. Kiểm tra công tác nghiệm thu nội bộ của nhà thầu thi công xây dựng.

5. Kiểm tra nhà thầu thiết kế xây dựng trong việc thực hiện quyền giám sát tác giả.

6. Mời cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra hồ sơ nghiệm thu trước khi tiến hành nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, các hạng mục công trình và công trình xây dựng hoàn thành.

7. Tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, các hạng mục công trình và công trình xây dựng theo quy định.

Điều 17. Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

1. Các công trình phải tổ chức kiểm tra và chứng nhận sự phự hợp về chất lượng công trình xây dựng trước khi đưa vào khai thác sử dụng là công trình khi sảy ra sự cố có nguy cơ gây thảm họa đối với người, tài sản và môi trường gồm: Công trình tập trung đông người như nhà hát, rạp chiếu bóng, rạp xiếc, hội trường, trường học, sân vận động, nhà thi đấu, siêu thị và các công trình có chức năng tương tự; nhà chung cư, công trình bệnh viện, nhà làm việc, công trình khách sạn, công trình hoá chất, hóa dầu, chế biến khí, kho chứa dầu khí không phân biệt cấp và các công trình đê, đập, cầu, hầm từ cấp II trở lên; Các công trình khác do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức bảo hiểm, tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc quản lý công trình yêu cầu.

2. Trách nhiệm chủ đầu tư thực hiện công tác tổ chức kiểm tra và chứng nhận sự phự hợp về chất lượng công trình xây dựng:

a) Lựa chọn tổ chức tư vấn hoạt động độc lập, có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại và cấp công trình để thực hiện việc kiểm tra và chứng nhận chất lượng công trình.

b) Thẩm định, phê duyệt nội dung, kế hoạch, dự toán trước khi ký kết hợp đồng kiểm tra, chứng nhận chất lượng với tổ chức chứng nhận (Giá trị dự toán tối đa không quá 35% của chi phí tư vấn giám sát công trình).

c) Cung cấp hồ sơ tài liệu, các chứng chỉ có liên quan và tạo mọi điều kiện cho hoạt động chứng nhận chất lượng.

d) Báo cáo kết quả kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình tới cơ quan quản lý nhà nước (theo phân cấp).

Điều 18. Bảo hành công trình xây dựng.

Chủ đầu tư, Chủ hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình xây dựng có trách nhiệm :

1. Kiểm tra tình trạng công trình xây dựng, phát hiện hư hỏng để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình sửa chữa, thay thế.

2. Giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng.

3. Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình; hoàn trả tiền bảo hành công trình cho các nhà thầu sau khi kết thúc thời hạn bảo hành.

4. Trong trường hợp các nhà thầu không thực hiện được việc bảo hành, chủ đầu tư phải thuê nhà thầu khác thực hiện sửa chữa, thay thế; kinh phí thuê bảo hành được lấy từ tiền bảo hành công trình xây dựng.

Khi chủ đầu tư không đồng thời là chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình thì chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình phối hợp với chủ đầu tư thực hiện các trách nhiệm trong bảo hành công trình.

Điều 19. Bảo trì công trình xây dựng.

Chủ hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình xây dựng phải có trách nhiệm thực hiện bảo trì công trình xây dựng trong quá trình quản lý sử dụng theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước. Việc thực hiện công tác bảo trì đối với các công trình phải sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tuân thủ những nội dung sau:

1. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng phải thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực để tiến hành kiểm định đánh giá hiện trạng công trình.

2. Tổ chức tư vấn kiểm định phải lập đề cương kiểm định trình chủ sở hữu thông qua trước khi kiểm định công trình; thực hiện kiểm định theo đúng đề cương được duyệt; đảm bảo tính trung thực, khách quan trong quá trình kiểm định chất lượng công trình; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, trước pháp luật về kết quả kiểm định của mình.

3. Báo cáo kết quả kiểm định của tổ chức tư vấn kiểm định phải đưa ra kết luận rõ ràng về chất lượng hiện trạng của công trình, nguyên nhân gây hư hỏng và phải có đề xuất các biện pháp giải quyết phù hợp .

Kết quả đánh giá hiện trạng công trình trên là cơ sở để chủ đầu tư lập phương án thiết kế bảo trì

Điều 20. Giải quyết sự cố công trình xây dựng.

1. Khi có sự cố công trình xây dựng, chủ đầu tư (đối với công trình đang thi công xây dựng) hoặc chủ sở hữu sử dụng (đối với công trình đang khai thác, sử dụng) phải cùng với đơn vị thi công xây dựng phối hợp với chính quyền địa

phương tiến hành ngay việc cấp cứu người bị nạn, ngăn ngừa sự cố gây ra thảm hoạ tiếp theo.

2. Chủ đầu tư phải tiến hành giải quyết và lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng; tổng hợp báo cáo về sở Xây dựng và các Sở có quản lý xây dựng chuyên ngành.

3. Chủ đầu tư chỉ được thu dọn hiện trường và tổ chức khắc phục sự cố sau khi đã lập đủ hồ sơ sự cố.

Điều 21. Báo cáo của chủ đầu tư về chất lượng công trình xây dựng.

Trước khi khởi công công trình ít nhất 7 ngày, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Đăng ký khởi công với Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình. Mẫu đăng ký theo mẫu qui định hiện hành.

b) Tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng với các nội dung:

- Ngày khởi công công trình; tiến độ thi công; năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình. Mẫu báo cáo theo mẫu qui định hiện hành.
- Kết quả kiểm tra và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng kèm theo hồ sơ chứng nhận chất lượng (nếu có).

Định kỳ 6 tháng 1 lần và khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng về chất lượng xây dựng công trình. Thời gian báo cáo theo quy định tại khoản 6, Điều 10 của qui định này; Mẫu báo cáo theo qui định hiện hành .

Điều 22. Lưu trữ hồ sơ.

1. Chủ đầu tư phải lưu trữ hồ sơ xây dựng công trình xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ:

- Đối với các công trình quan trọng do Chính phủ quyết định đầu tư; Công trình cấp I phải thi tuyển kiến trúc; công trình có giá trị đặc biệt về văn hoá được xếp hạng phải lưu trữ vĩnh viễn.
- Đối với các công trình còn lại: Lưu trữ theo tuổi thọ công trình.

3. Trường hợp chủ đầu tư không là chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình xây dựng thì khi bàn giao công trình xây dựng phải bàn giao (bằng văn bản) toàn bộ hồ sơ xây dựng công trình cho người quản lý sử dụng hợp pháp để lưu trữ.

Chương 4
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN XÂY DỰNG

Điều 23. Quản lý chất lượng của nhà thầu khảo sát xây dựng.

1. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến. Chủ nhiệm khảo sát phải có chứng chỉ hành nghề khảo sát, có hợp đồng không xác

định thời hạn tại doanh nghiệp, các cá nhân tham gia từng công việc khảo sát phải có chuyên môn được đào tạo phù hợp.

2. Không mượn danh nghĩa của nhà thầu khác để ký hợp đồng khảo sát xây dựng

3. Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quản lý chất lượng khảo sát xây dựng.

4. Tổ chức thi công hiện trường tuân thủ phương án khảo sát xây dựng và quy trình kỹ thuật được duyệt.

5. Thực hiện thí nghiệm cơ - lý các mẫu đất đá, thí nghiệm mẫu nước... tại các phòng thí nghiệm được Bộ Xây dựng công nhận hợp chuẩn.

6. Không sử dụng các thiết bị chưa được kiểm định, sai tính năng, vượt quá công suất thiết kế của thiết bị theo quy định để thực hiện khảo sát xây dựng.

7. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính trung thực và chính xác của kết quả khảo sát; phải bồi thường thiệt hại khi:

a) Thực hiện không đúng nhiệm vụ khảo sát xây dựng.

b) Khảo sát sai thực tế gây phát sinh khối lượng.

c) Sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng không phù hợp.

d) Các hư hỏng, sự cố công trình do lỗi khảo sát gây ra trong niên hạn sử dụng công trình.

8. Lưu trữ hồ sơ khảo sát xây dựng theo hướng dẫn của Bộ xây dựng. Thời gian lưu trữ theo quy định tại khoản 2, Điều 22 của quy định này.

Điều 24. Quản lý chất lượng của nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng.

1. Trong khảo sát xây dựng:

a) Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng phải phù hợp phạm vi, yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế

b) Chỉ sử dụng tài liệu khảo sát xây dựng để thiết kế khi kết quả khảo sát xây dựng đáp ứng yêu cầu của bước thiết kế, phù hợp với điều kiện địa chất, địa lý tự nhiên tại khu vực xây dựng và đã được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định.

c) Kịp thời kiến nghị chủ đầu tư thực hiện khảo sát xây dựng bổ sung khi thấy không đủ các số liệu khảo sát cần thiết để thiết kế, khi có nghi ngờ về kết quả khảo sát hoặc phát hiện những yếu tố bất thường về địa chất công trình ảnh hưởng đến thiết kế.

d) Không sử dụng tài liệu khảo sát xây dựng tại địa điểm khác hoặc của công trình khác để thiết kế. Trường hợp cần thiết, chỉ sử dụng tài liệu khảo sát xây dựng tại địa điểm lân cận hoặc của công trình lân cận để tham khảo.

2. Trong thiết kế xây dựng công trình:

a) Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và quy định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm của các thành viên tham gia thiết kế. Hệ thống quản lý chất lượng thiết kế bao gồm:

- Chủ nhiệm thiết kế;

- Chủ trì thiết kế các chuyên môn thuộc đồ án thiết kế (kiến trúc, kết cấu, điện, nước ...);

- Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS).

b) Cử chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế các chuyên môn là các cá nhân có chứng chỉ hành nghề, hợp đồng không xác định thời hạn tại doanh nghiệp và đủ điều kiện năng lực theo quy định.

c). Không mượn danh nghĩa của nhà thầu khác để ký hợp đồng thiết kế xây dựng.

d) Khi thiết lập bản vẽ thiết kế xây dựng công trình: Thuyết minh, bản vẽ thiết kế, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ thiết kế theo khuôn khổ thống nhất có danh mục, đánh số, ký hiệu.

e) Phải quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng của vật liệu xây dựng, thiết bị công nghệ sử dụng vào công trình nhưng không được chỉ định nhà sản xuất, cung cấp.

f) Lưu trữ hồ sơ thiết kế theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Thời gian lưu trữ theo quy định tại khoản 2, Điều 22 quy định này.

3. Trong thực hiện quyền giám sát tác giả:

a) Cử cá nhân có đủ năng lực để giám sát tác giả theo quy định; người được nhà thầu thiết kế cử thực hiện nhiệm vụ giám sát tác giả phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi vi phạm của mình trong quá trình thực hiện nghĩa vụ giám sát tác giả và phải chịu bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

b) Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, phải ghi nhật ký giám sát của chủ đầu tư yêu cầu thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư. Việc thay đổi thiết kế trong quá trình thi công phải tuân thủ quy định.

c) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư. Từ chối nghiệm thu các hạng mục công trình, công trình xây dựng không đúng với hồ sơ thiết kế, không đủ điều kiện nghiệm thu và phải có văn bản gửi chủ đầu tư nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.

d) Xử lý theo đề nghị của chủ đầu tư xây dựng công trình về những bất hợp lý trong thiết kế.

Điều 25. Quản lý chất lượng của nhà thầu tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán.

1. Lập hệ thống quản lý chất lượng và quy định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm của các thành viên tham gia thẩm tra thiết kế, dự toán.

2. Cử cá nhân có chứng chỉ hành nghề và đủ điều kiện năng lực chủ trì thiết kế công trình tương tự để chủ trì thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.

3. Cử cá nhân có chứng chỉ hành nghề, đủ năng lực để thẩm tra dự toán xây dựng công trình.

4. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; bồi thường thiệt hại khi sử dụng thông tin,

tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, các giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

Điều 26. Quản lý chất lượng của nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng.

1. Lập hệ thống quản lý chất lượng và quy định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm của các thành viên để giám sát thi công xây dựng tại công trường, bao gồm:

- Phụ trách bộ phận giám sát;
- Các giám sát thi công xây dựng theo chuyên ngành (xây dựng - hoàn thiện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ).

2. Cử các cán bộ giám sát thi công xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề giám sát, có hợp đồng không xác định thời hạn tại doanh nghiệp; cán bộ giám sát thi công chỉ được giám sát 01 công trình tại một thời điểm.

3. Không mượn danh nghĩa của nhà thầu khác để ký hợp đồng giám sát thi công xây dựng công trình.

4. Thực hiện chế độ giám sát ngay từ khi khởi công công trình và thường xuyên, liên tục trong thời gian thi công;

5. Nhà thầu tư vấn giám sát phải bồi thường thiệt hại khi:

- Người giám sát làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng thi công không đúng thiết kế.
- Công việc giám sát không tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng gây ra các hư hỏng, sự cố công trình.
- Để nhà thầu xây dựng thực hiện thi công không đảm bảo khối lượng, chất lượng theo thiết kế, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, chất lượng theo phê duyệt.

Chương 5
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

Điều 27. Hệ thống quản lý chất lượng tại công trường.

1. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình xây dựng, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công xây dựng công trình trong việc quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu tại công trường bao gồm:

- Chỉ huy trưởng công trường.
- Tổ quản lý chất lượng giúp Chỉ huy trưởng.
- Đội trưởng.
- Bộ phận kỹ thuật thi công trực tiếp.
- Các tổ công nhân trực tiếp thi công.

2. Cử chỉ huy trưởng công trường phải là cá nhân có hợp đồng không xác định thời hạn tại doanh nghiệp và đủ năng lực phù hợp với điều kiện quy định.

Điều 28. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình.

1. Bố trí lao động, vật tư, máy móc thiết bị để tổ chức thi công công trình đúng biện pháp, tiến độ thi công theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư; tuân thủ các chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn xây dựng theo hồ sơ thiết kế; bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường.

2. Lập nhật ký thi công xây dựng công trình theo mẫu qui định hiện hành.

3. Thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi sử dụng vào công trình xây dựng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn xây dựng.

4. Lập bản vẽ hoàn công cho bộ phận công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng và công trình xây dựng hoàn thành.

5. Nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng, bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, hạng mục công trình và công trình xây dựng hoàn thành. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu gồm:

- Đội trưởng.
- Người phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp.
- Tổ trưởng tổ công nhân trực tiếp thi công.
- Đại diện nhà thầu thi công công việc, giai đoạn thi công xây dựng tiếp nhận để tiếp tục thi công (nếu có).
- Đại diện Tổ quản lý chất lượng giúp Chỉ huy trưởng công trường.
- Đại diện nhà thầu thi công xây dựng.

6. Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường thi công xây dựng.

7. Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu theo quy định và lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu.

8. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng, gây hư hỏng các công trình lân cận, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

9. Lưu trữ hồ sơ hoàn công công trình xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

10. Bảo hành công trình theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 29. Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

1. Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường bên trong và bên ngoài công trường.

2. Đối với những hạng mục công trình hoặc công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn phải thực hiện theo biện pháp kỹ thuật an toàn riêng biệt.

3. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm hạn chế thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra mất an toàn trong thi công xây dựng.

4. Mua các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Chương 6

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Kiểm tra thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh phải thực hiện việc tự kiểm tra và chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm chất lượng công trình xây dựng, tổ chức, cá nhân và nhân dân phải phản ánh kịp thời với chủ đầu tư, Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về xây dựng.

3. Tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản ánh.

Điều 31. Xử lý vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có hành vi vi phạm pháp luật về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng đều bị xem xét xử lý; Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định hiện hành. Trường hợp các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng vi phạm qui định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại.

2. Sở Xây dựng, các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý khu công nghiệp, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng; Đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm lớn gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình, đề nghị cấp có thẩm quyền không cho phép hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Chương 7

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chính sách, pháp luật hiện hành của nhà nước về chất lượng công trình xây dựng và quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phan Nhật Bình